

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-PT

Ngày 22/01/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung,

Bà Nguyễn Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019, về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 245/2018/HNGĐ - ST, ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐPT - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Hải V, sinh năm 1989.

2.Bị đơn: Anh Tạ Ngọc D, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh D, chị V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Hải V trình bày: Chị và anh Tạ Ngọc D kết hôn ngày 04/01/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị làm việc và sinh sống tại Tổ dân phố T, thị trấn Y,

huyện H, tỉnh Tuyên Quang (sống cùng mẹ đẻ anh D). Thời kỳ đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Tạ Minh A, sinh ngày 18/8/2014, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.390.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2018 đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi năm một lần. Chị có thu nhập ổn định từ lương công chức hàng tháng, có chỗ ở ổn định (thuê nhà ở) chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Tạ Ngọc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh thừa nhận việc kết hôn như chị Hoàng Thị Hải V trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên nghi ngờ và không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Anh nhất trí ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị V trình bày, hiện cháu đang do anh nuôi dưỡng, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo về vật chất và mọi mặt cho con, yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000đ/ tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 01/2019 đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo định kỳ mỗi tháng 1 lần. Anh có thu nhập ổn định từ lương công chức hàng tháng, anh ở chung với mẹ đẻ (là bà Phạm Thị H) có đất đai và một nhà xây hai tầng tại tổ dân phố T, anh có điều kiện nuôi con hơn chị V.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đưa ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 245/2018/ HNGĐ - ST, ngày 21 tháng 11 năm 2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 245/2018/QĐ-SCBSBA ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 55, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a,

khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Hải V.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Hải V và anh Tạ Ngọc D.

- Về con chung: Giao cháu Tạ Minh A, sinh ngày 18/8/2014 cho chị Hoàng Thị Hải V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.390.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo năm, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Tạ Minh A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2018 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Tạ Ngọc D đơn ghi ngày 29/11/2018 đơn kháng cáo có nội dung: Bản án số 245/2018/HNGĐ - ST, ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang giải quyết là chưa thỏa đáng về phân giao nuôi con chung theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể như sau:

Hội đồng xét xử nhận định rằng "... về chỗ ở và mức thu nhập của chị V cộng với mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh D thì việc giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng vẫn có thể đảm bảo được về điều kiện vật chất, tinh thần cho cháu..." là không chính xác. Chị V hiện tại có mức lương thấp hơn anh, còn phải chi trả khoản tiền sinh hoạt thường xuyên, tiền thuê nhà trọ là 1.500.000đ/tháng, phòng trọ có diện tích khoảng 10m² không đảm bảo điều kiện vật chất tinh thần cho cháu. Lương của anh cao hơn chị V, anh ở cùng mẹ đẻ có lương hưu, con chung có phòng riêng, cháu đã quen nếp sống sinh hoạt của gia đình từ bé, đầy đủ tiện nghi hơn phòng trọ của chị V. Hiện tại nhà anh chỉ có hai mẹ con anh là con trai duy nhất nhà cửa đất đai mẹ anh đã tặng cho anh, bản án nhận định việc tặng cho nhà ở của mẹ anh chưa đúng quy định của pháp luật là chưa khách quan.

Bản án sơ thẩm nhận định anh không có tài liệu chứng minh về cách nuôi dạy chăm sóc con của chị V là đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, vô tư, anh đã nộp đơn tại phiên tòa có xác nhận của 03 hàng xóm chứng kiến xác nhận.

Chị V trình bày tại phiên tòa sau khi ly hôn chị sẽ chuyển khẩu của chị và cháu A về thành phố T để đảm bảo thuận tiện cho việc học tập của cháu vì bố mẹ chị hiện nay đang ở thành phố T, có nhà cửa, đất đai ổn định. Hội đồng xét xử không yêu cầu chị V cung cấp tài liệu, cũng không xác minh nhưng lại nhận định trong bản án. Nhà của bố mẹ chị V ở tại thôn Y, xã A, thành phố T, nếu chuyển cháu A về đó, trong tuần chị V phải đến cơ quan tại Hàm Yên làm việc

thì sẽ không có thời gian chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Nhà của bố mẹ chị V ở cách điểm trường mầm non gần nhất cũng khoảng 3km; hiện tại gia đình chị V có 05 người cùng sinh sống trong một nhà, có ông bà nội của chị V đã già yếu (trên 90 tuổi), thường xuyên đau ốm đi viện, kinh tế gia đình chỉ có một nguồn thu chính là từ lương hưu hàng tháng của bố chị V khoảng 5.000.000/tháng. Như vậy có đảm bảo điều kiện để nuôi dạy cháu hay không? ngoài ra, đất đai của bố mẹ chị V các anh em trong gia đình còn đang tranh chấp, như vậy có ổn định không?

Hai anh chị đều là công chức nhà nước chị V ở một mình không có họ hàng thân thích ở thị trấn H, đặc thù công việc phải đi trực đêm nếu được giao nuôi con chị V sẽ không đảm bảo bữa ăn giấc ngủ của cháu hơn anh được. Cháu ở với mẹ anh từ nhỏ, được bà thường xuyên chăm sóc khi hai vợ chồng đi làm, cháu gần gũi bà khi anh đi trực đêm đi công tác có bà đảm bảo bữa ăn, giấc ngủ của cháu.

Hội đồng xét xử cho rằng ý kiến của những người làm chứng thiếu trung thực, không vô tư, khách quan là không đúng quy định tại Điều 93,94,95,96,97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người làm chứng đều là người ở gần sát nhà anh, không có mâu thuẫn gì với gia đình anh và chị V, không có mối quan hệ anh em họ hàng gì. HĐXX chỉ căn cứ vào lời trình bày của chị V để nhận định thời gian chị V công tác tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, chị V đã một mình nuôi cháu A chỉ cuối tuần anh D mới về là không đúng. Con anh là cháu trai, hiện nay đã gần 5 tuổi, cháu đã tự sinh hoạt cá nhân được, nhưng HĐXX nhận định rằng cháu còn rất nhỏ và căn cứ quy định là còn dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là không đúng quy định của pháp luật, chưa đánh giá về quyền lợi mọi mặt của con chung theo luật định. Luật cũng không quy định “rất nhỏ” là bao nhiêu tuổi. Tòa án giải quyết vụ án là chưa căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh được nuôi con theo đúng quy định. Bản án số 245/2018/HNGĐ - ST, ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang áp dụng điều khoản của luật là không đúng: Tại trang 7 phần quyết định dòng thứ nhất ghi “Căn cứ: Khoản 1 Điều 55,..Luật hôn nhân và gia đình...” nhưng anh không tìm thấy có khoản 1 nào ở Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành như HĐXX áp dụng, vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa bị đơn anh Tạ Ngọc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh có điều kiện nuôi con hơn chị V, thu nhập của anh cao hơn (lương cao hơn, ngoài ra gia đình anh có thu nhập từ chăn nuôi gà, trồng cam). Về điều kiện sống anh ở với mẹ để có nhà riêng rộng rãi, cháu A đã quen nếp sống gia đình, quen lớp, quen bạn, khi anh đi công tác có mẹ để chăm sóc cho cháu, cuộc sống của cháu đã ổn định. Cháu A ở với anh ít ốm đau hơn khi cháu ở với mẹ trước đó tại thành phố T. Chị V chuyển công tác và chuyển cháu A đến môi trường mới sẽ làm cuộc sống của cháu bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu. Chị V về sống chung với bố mẹ đẻ, cùng hai cụ già hay ốm đau không đảm bảo chăm sóc cháu A. Đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh nuôi

dưỡng sau này chị V chuyển công tác ổn định cuộc sống, có đủ điều kiện nuôi con, khi cháu A học lớp 1 anh nhất trí thay đổi nuôi con, giao cho chị V nuôi cháu A.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Hải V trình bày: Chị có quyết định điều động chuyển công tác về thành phố T từ ngày 01/02/2019, sau khi bản án có hiệu lực chị sẽ chuyển khẩu cho cháu A về thành phố T ở chung với bố mẹ đẻ chị, bố mẹ có nhà riêng hai tầng rộng rãi. Chị đã ở cùng với bố mẹ đẻ từ khi cháu A được 6 tháng đến 18 tháng tuổi, sau đó chị chuyển đến công tác tại huyện H. Chị đã được bố mẹ cho đất, được cấp GCNQSDĐ năm 2011. Cháu A sẽ chuyển về học tại trường mầm non S gần cơ quan chị công tác, cháu sẽ được đảm bảo về điều kiện học tập. Chị đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con vào ngày 30/12 hàng năm, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 2/2019.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo anh Tạ Ngọc D hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được nuôi con chung của anh Tạ Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 245/2018/HNGĐ - ST, ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H về phần nuôi con chung. Sửa bản án sơ thẩm về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 30/12 hàng năm, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 2/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của anh Tạ Ngọc D: Bản án sơ thẩm giải quyết chưa thỏa đáng về phần giao nuôi con chung theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị giao cho anh được nuôi con theo đúng quy định. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình là không đúng vì trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành không có khoản 1 Điều 55.

Xét thấy: Chị Hoàng Thị Hải V và anh Tạ Ngọc D có 01 con chung cháu Tạ Minh A, sinh ngày 18/8/2014, quá trình giải quyết vụ án hai anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung và đề nghị bên không nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị V đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung là

1.390.000đ/tháng, tại phiên tòa phúc thẩm chị V đề nghị thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 2/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo năm, thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 30/12 hàng năm. Anh D đề nghị mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

Về điều kiện nuôi con: Thu nhập của chị V từ lương hàng tháng là 6.286.942 đ (theo xác nhận của Lãnh đạo cơ quan); sau khi xét xử sơ thẩm chị V có quyết định điều động chuyển công tác về thành phố T từ ngày 01/02/2018 (Quyết định về việc điều động cán bộ số 02/QĐ-VKS, ngày 18/1/2019), sau khi chuyển công tác chị V sẽ ở chung với bố mẹ đẻ tại thôn Y, xã A, thành phố T. Chị V đã được bố mẹ cho 296,3m² đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 5/8/2011 tên chủ sử dụng đất Hoàng Thị Hải V.

Anh D sinh sống cùng mẹ đẻ tại Tổ dân phố T, thị trấn Y huyện H, có nhà xây và đất ở, ngày 10/3/2018 bà Phạm Thị H mẹ đẻ anh D đã viết giấy tặng cho anh D nhà đất nhưng chưa làm thủ tục tại cấp có thẩm quyền. Thu nhập của anh D từ lương hàng tháng là 6.984.350 đ (theo xác nhận của Lãnh đạo cơ quan). Như vậy xét về điều kiện cả hai anh chị đều có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Tuy cháu Tạ Minh A đã trên 36 tháng tuổi nhưng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu nên giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu A; anh Tạ Ngọc D có nghĩa vụ giao cháu Tạ Minh A cho chị Hoàng Thị Hải V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.390.000 đồng/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo năm thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 30/12 hàng năm, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2019 cho tới khi cháu Tạ Minh A đủ 18 tuổi; anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con chung. Sửa bản án sơ thẩm về thời hạn cấp dưỡng nuôi con và về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do đương sự có sự thay đổi.

Về yêu cầu kháng cáo: Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình là không đúng vì trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành không có khoản 1 Điều 55.

Xét thấy: Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 245/2018/QĐ-SCBSBA ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã sửa chữa phần áp dụng điều luật, tại dòng thứ 5 từ trên xuống trang 7 của bản án

nội dung “ Căn cứ: khoản 1 Điều 55,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình”, được sửa chữa bổ sung “ Căn cứ vào các Điều 55,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình”.

[2]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh D không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
Các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh Tạ Ngọc D.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con chung và sửa bản án sơ thẩm về thời hạn cấp dưỡng nuôi con, về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như sau: Giao cho chị Hoàng Thị Hải V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Tạ Minh A sinh ngày 18/8/2014. Anh Tạ Ngọc D có nghĩa vụ giao cháu Tạ Minh A cho chị Hoàng Thị Hải V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.390.000 đồng/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo năm thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 30/12 hàng năm, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2019 cho tới khi cháu Tạ Minh A đủ 18 tuổi. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án chị Hoàng Thị Hải V, cho đến khi thi hành xong khoản cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành án anh Tạ Ngọc D chậm thi hành khoản cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Tạ Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm*

ngàn đồng) tại biên lai số N⁰0006267 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/1/2019./.

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lưu Hồ Loan

